

Số: /2024/NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 2

NGHỊ QUYẾT

Chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Nghị quyết về việc quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân là người dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ về đất đai

Cá nhân là người dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được hưởng chính sách hỗ trợ về đất đai khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng chưa được giao đất lần đầu theo khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 hoặc đã được giao đất lần đầu nhưng hiện nay không còn đất ở, đất sản xuất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất nông nghiệp so với hạn mức giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp theo khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15

2. Thường trú tại địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại thời điểm xem xét hưởng chính sách.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ về đất đai

1. Hỗ trợ đất ở

a) Trường hợp không có đất ở, không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định và được miễn tiền sử dụng đất;

b) Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở theo quy định thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp trong cùng thửa đất hoặc thửa đất liền kề sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định và được miễn tiền sử dụng đất.

2. Hỗ trợ đất nông nghiệp

a) Trường hợp không có đất nông nghiệp, không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất.

b) Trường hợp địa phương không còn quỹ đất nông nghiệp để thực hiện giao đất, thì ưu tiên giao khoán các diện tích đất địa phương đang quản lý có nguồn gốc từ nông, lâm trường. Việc giao khoán đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường phải đảm bảo phù hợp khả năng canh tác, phù hợp với tạp quán, thuận lợi cho sản xuất.

3. Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh

a) Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp mà không bố trí được quỹ đất, nếu có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được xem xét cho thuê đất không thông qua đấu giá và được giảm 50% tiền thuê đất theo quy định.

b) Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp mà bố trí được quỹ đất để giao tiếp nhưng không có nhu cầu được giao tiếp đất nông nghiệp mà có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được xem xét cho thuê đất không thông qua đấu giá và được giảm 50% tiền thuê đất theo quy định.

c) Diện tích được xem xét cho thuê đất phi nông nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản này không vượt quá 02 lần hạn mức giao đất ở theo quy định.

4. Diện tích giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 4. Kinh phí và quỹ đất thực hiện chính sách về đất đai

1. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định này được thực hiện theo khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Quỹ đất để thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định này được thực hiện theo khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VP ĐTBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH